

THÔNG BÁO

Tuyển sinh Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II năm 2018 của Trường Đại học Y Dược Huế

Trường Đại học Y Dược Huế thông báo nội dung, kế hoạch tuyển sinh Chuyên khoa cấp I và Chuyên khoa cấp II năm 2018 như sau:

I. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

1.1. CHUYÊN KHOA CẤP I:

Hình thức đào tạo tập trung 2 năm gồm các chuyên ngành sau:

- | | | |
|-----------------------|--|--------------------------------|
| 1. Nội khoa | 12. Huyết học – Truyền máu | 23. Hoá sinh Y học |
| 2. Ngoại khoa | 13. Ký sinh trùng – côn trùng | 24. Ung thư |
| 3. Sản phụ khoa | 14. Dịch tễ học | 25. Lao |
| 4. Nhi khoa | 15. Thần kinh | 26. Phục hồi chức năng |
| 5. Nhân khoa | 16. Da liễu | 27. Điều dưỡng |
| 6. Răng Hàm Mặt | 17. Y học dự phòng | 28. Hồi sức cấp cứu |
| 7. Tai Mũi Họng | 18. Vi sinh y học | 29. Cấp cứu đa khoa |
| 8. Chẩn đoán hình ảnh | 19. Sinh lý | 30. Tổ chức quản lý Dược |
| 9. Y tế công cộng | 20. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới | 31. Dược liệu - Dược cổ truyền |
| 10. Gây mê hồi sức | 21. Tâm thần | 32. Dược lý và dược lâm sàng |
| 11. Y học cổ truyền | 22. Y học gia đình | |

1.2. CHUYÊN KHOA CẤP II:

Hình thức đào tạo tập trung 2 năm gồm các chuyên ngành sau:

- | | | |
|-------------------------|------------------|--|
| 1. Nội khoa | 12. Sản khoa | 23. Huyết học |
| 2. Nội Thận – Tiết niệu | 13. Nhi khoa | 24. Thần kinh |
| 3. Nội Tim mạch | 14. Nhi Tim mạch | 25. Chẩn đoán hình ảnh |
| 4. Nội Nội tiết | 15. Nhi Tiêu hóa | 26. Hóa sinh y học |
| 5. Nội Tiêu hoá | 16. Nhi Thận | 27. Y học cổ truyền |
| 6. Lão khoa | 17. Nhi Sơ sinh | 28. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới |
| 7. Ngoại khoa | 18. Nhân khoa | 29. Gây mê hồi sức |
| 8. Ngoại Tiêu hóa | 19. Răng Hàm Mặt | 30. Chấn thương chỉnh hình |
| 9. Ngoại Tiết niệu | 20. Quản lý Y tế | 31. Dược lý - Dược lâm sàng |
| 10. Sản phụ khoa | 21. Tâm thần | |
| 11. Phụ khoa | 22. Mũi họng | |

II. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI TUYỂN

2.1. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP I:

Thí sinh cần có các điều kiện sau:

- Về đối tượng dự thi: thí sinh chỉ đăng ký dự thi ngành/chuyên ngành tương ứng với ngành được đào tạo ở trình độ đại học. Đối với những bác sĩ làm việc liên tục từ trước ngày 01/01/2012 (ngày Thông tư số 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi được dự thi chuyên ngành đang làm việc.

- Các thí sinh có bằng tốt nghiệp liên thông trình độ Đại học thuộc ngành học tương ứng phải đạt loại khá trở lên.

- Thời gian thâm niên công tác:

+ Đối với các lĩnh vực yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề: thí sinh chỉ được dự thi sau khi có chứng chỉ hành nghề. Các đối tượng khác: theo quy định đào tạo Chuyên khoa cấp I hiện hành.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học Chuyên khoa cấp I tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

2.2. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP II:

Thí sinh cần có các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I chuyên ngành tương ứng. Có chứng chỉ hành nghề (Đối với các lĩnh vực yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề).

- Về thâm niên chuyên môn để dự thi: sau khi tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I hoặc 36 tháng sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ, Bác sĩ nội trú.

- Có đủ sức khỏe để học tập.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Các đối tượng ngoài biên chế nhà nước, nếu có nhu cầu học tập phải đóng kinh phí đào tạo theo đúng các quy định của Nhà nước.

- Người nước ngoài muốn học Chuyên khoa cấp II tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

III. HỒ SƠ DỰ THI GỒM CÓ

1. Đơn xin dự thi: ghi rõ chuyên ngành dự thi và môn ngoại ngữ dự thi (đối với thí sinh thi tuyển Chuyên khoa cấp II).
2. Bản sao Bằng tốt nghiệp Đại học (có công chứng). Đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa cấp II thì phải có thêm bằng Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ hoặc Bác sĩ Nội trú tương ứng với chuyên ngành dự thi (kèm theo bản sao có công chứng bằng điểm).
3. Giấy xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành của cơ quan quản lý.
4. Bản sao Chứng chỉ hành nghề (có công chứng).
5. Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan quản lý (nếu là cán bộ thuộc biên chế nhà nước), của chính quyền địa phương hay cơ sở hành nghề tư nhân (nếu không thuộc biên chế nhà nước).
6. Sơ yếu lý lịch: Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý (cơ quan hay địa phương hoặc cơ sở hành nghề tư nhân), ghi rõ nơi sinh theo địa dư mới.
7. Giấy khám sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp.
8. Đơn xin miễn ngoại ngữ (nếu có, kèm bản sao chứng chỉ có công chứng).
9. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh và nơi sinh mặt sau của ảnh).
10. 04 phong bì có dán tem và ghi cụ thể địa chỉ người nhận.

Tất cả đựng trong túi hồ sơ; ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, đơn vị công tác, địa chỉ, số điện thoại liên lạc và các mục giấy tờ xếp theo thứ tự nêu trên.

IV. CÁC MÔN THI TUYỂN

4.1. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP I: gồm 2 môn bắt buộc

- MÔN CƠ SỞ:

+ **Giải phẫu** cho các chuyên ngành Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Chẩn đoán hình ảnh, Ung thư, Sinh lý học.

+ **Giải phẫu đầu mặt cổ** cho các chuyên ngành Nhân khoa, Tai Mũi Họng.

+ **Sinh lý** cho các chuyên ngành Nội khoa, Nhi khoa, Gây mê hồi sức, Tâm thần, Huyết học Truyền máu, Y học cổ truyền, Thần kinh, Da liễu, Truyền nhiễm và bệnh nhiệt đới, Y học gia đình, Lao, Hồi sức cấp cứu, Cấp cứu đa khoa, Phục hồi chức năng, Hóa sinh y học.

+ **Dịch tễ học cơ sở** cho các chuyên ngành Y tế công cộng, Y học dự phòng.

+ **Tổ chức Y tế** cho chuyên ngành Dịch tễ học.

+ **Ký sinh trùng** cho chuyên ngành Vi sinh Y học.

+ **Vi sinh** cho chuyên ngành Ký sinh trùng.

+ **Hóa phân tích** cho các chuyên ngành Tổ chức quản lý dược, Dược liệu - Dược cổ truyền, Dược lý và dược lâm sàng.

+ **Cơ sở Răng Hàm Mặt** cho chuyên ngành Răng Hàm Mặt.

+ **Điều dưỡng cơ bản** cho chuyên ngành Điều Dưỡng.

- MÔN CHUYÊN NGÀNH:

Theo ngành đăng ký dự thi, riêng chuyên ngành Y học gia đình thi môn tổng hợp (Nội khoa, Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhi khoa, Y tế công cộng), chuyên ngành Điều dưỡng thi môn Điều dưỡng đa khoa, chuyên ngành Y tế công cộng thi môn Tổ chức Y tế.

4.2. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP II: gồm 2 môn bắt buộc

- **MÔN CHUYÊN NGÀNH:** Theo ngành đăng ký dự thi.

- **MÔN NGOẠI NGỮ:** Tương đương trình độ C (Anh/ Pháp).

+ Các thí sinh được miễn thi ngoại ngữ đầu vào nếu có một trong các điều kiện sau đây:

* Có thời gian công tác 3 năm trở lên liên tục tại khu vực 1.

* Không phải người dân tộc Kinh, công tác tại khu vực 2 nông thôn 3 năm liên tục trở lên.

* Thí sinh đạt trình độ bậc 3 của khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (theo thông tư 01/2014/BGDĐT) được miễn thi tuyển.

+ Những thí sinh được miễn thi ngoại ngữ phải học và thi đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định tại công văn số 5267/BYT-K2ĐT ngày 29/7/2008 và công văn số 1623/BYT-K2ĐT ngày 31/3/2017 của Bộ Y tế.



V. THỜI GIAN TỔ CHỨC ÔN TẬP VÀ THI

- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày ban hành thông báo tuyển sinh đến hết ngày **13/4/2018**.
- Thời gian dự kiến ôn tập thi tuyển: từ ngày **02/5/2018** cho đến khi thi tuyển.
- Thời gian thi tuyển (dự kiến): **ngày 09 và 10/6/2018**.
- Lệ phí:
 - + Đăng ký dự thi: **100.000đ/thí sinh/hồ sơ** (nộp cùng hồ sơ đăng ký dự thi)
 - + Dự thi: **200.000đ/thí sinh/môn dự thi** (nộp khi làm thủ tục dự thi)

Mọi thông tin và các thủ tục đăng ký dự xin thi liên hệ tại Phòng Đào tạo Sau đại học, Tầng 3 - Tòa nhà 2A, Trường Đại học Y Dược Huế, số 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế.

Số điện thoại: 0234.3820857, Email: sdh.dhyh@gmail.com

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Đại học Huế;
- Các Sở Y tế;
- Các Bệnh viện, các cơ sở y tế;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp Y Dược, TT Đào tạo Y tế;
- Các đơn vị trong trường;
- Lưu: VT, ĐTSĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Võ Tam